Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8466.30.00

Mã HS	8466.30.00
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hoặc kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy này; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay / - Đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho máy
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 15:44:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84663000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14268
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14268
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14268
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13606
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13547
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13547
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13547
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13547
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13547
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13547
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13601
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13601
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13601
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13601

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13601
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13601
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13602
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13602
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13602
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13602
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13602
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13602
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13605
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13553
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13561
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13561
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13561
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13561
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13561
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13561
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13592
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13592
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13592
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13592
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13592
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13592
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13641
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13641
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13641
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13641

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13641
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13641
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13624
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13624
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13624
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13624
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13624
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13624
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13624
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13624
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13624
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13624
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13624
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13624
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13639
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13639
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13639
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13639
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13639
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13639
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13638
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13638
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13638
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13638
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13638
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13638

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13618
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13618
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13618
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13618
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13618
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13618
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13618
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13626
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13626
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13626
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13626
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13626
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13626
RCEP B	2022	2022	0	B!D13626
RCEP B	2023	2023	0	B!E13626
RCEP B	2024	2024	0	B!F13626
RCEP B	2025	2025	0	B!G13626
RCEP B	2026	2026	0	B!H13626
RCEP B	2027	2027	0	B!I13626
RCEP C	2022	2022	0	C!D13626
RCEP C	2023	2023	0	C!E13626
RCEP C	2024	2024	0	C!F13626
RCEP C	2025	2025	0	C!G13626
RCEP C	2026	2026	0	C!H13626
RCEP C	2027	2027	0	C!I13626
RCEP D	2022	2022	0	D!D13625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13625
RCEP D	2024	2024	0	D!F13625
RCEP D	2025	2025	0	D!G13625
RCEP D	2026	2026	0	D!H13625
RCEP D	2027	2027	0	D!I13625
RCEP E	2022	2022	0	E!D13629
RCEP E	2023	2023	0	E!E13629
RCEP E	2024	2024	0	E!F13629
RCEP E	2025	2025	0	E!G13629
RCEP E	2026	2026	0	E!H13629
RCEP E	2027	2027	0	E!I13629
RCEP F	2022	2022	0	F!D13626
RCEP F	2023	2023	0	F!E13626
RCEP F	2024	2024	0	F!F13626
RCEP F	2025	2025	0	F!G13626
RCEP F	2026	2026	0	F!H13626
RCEP F	2027	2027	0	F!I13626
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12647
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12647
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12647
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12647

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8466.30.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8466.30.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8466.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8466.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14268), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.